

DANH MỤC HỒ SƠ NĂNG LỰC

1. Quyết định thành lập Trung tâm Kiểm định xây dựng năm 2006.
 - Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kiểm định xây dựng trực thuộc Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai
2. Quyết định công nhận năng lực thực hiện các phép thử của phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.
3. Giới thiệu năng lực, kinh nghiệm Trung tâm Kiểm định xây dựng tỉnh Lào Cai.
4. Các bằng cấp, chứng chỉ của cán bộ, chuyên gia tư vấn.
5. Một số Hợp đồng tư vấn đã và đang thực hiện.



SỞ XÂY DỰNG TỈNH LÀO CAI
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG

CƠ CẤU, TỔ CHỨC, BỘ MÁY
VÀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU TƯ VẤN

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên giao dịch: **TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG LÀO CAI.**
- Địa chỉ: Số 16, đường Nguyễn Văn Cừ, tổ dân phố Đồng Tâm 10, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai.
- Điện thoại: 02163.850.676 ; 0943.683.444
- Email: kiemdinhxdyb@gmail.com
- Mã số thuế: 5200.265.429
- Tài khoản số: 3710.115.476 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai.
- Thành lập theo Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 24/7/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái.
- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức được quy định tại Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kiểm định xây dựng thuộc Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai;
- Chứng chỉ Năng lực hoạt động số YEB-00001285 do Sở Xây dựng tỉnh Yên Bái cấp, ban hành kèm theo Quyết định số 1472/QĐ-SXD ngày 01/7/2020; Quyết định số 15/QĐ-SXD ngày 15/02/2023 (cấp bổ sung lần 2); Quyết định số 185/QĐ-SXD ngày 08/12/2023.

1. Quá trình thành lập Trung tâm:

- Trung tâm Kiểm định xây dựng tỉnh Lào Cai được thành lập theo Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 24/7/2006 của UBND tỉnh Yên Bái; Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức được quy định tại Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai; Trung tâm là đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên. Trung tâm chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Sở Xây dựng; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan chức năng cấp trên có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Trung tâm có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Kể từ năm 2010, Trung tâm chuyển sang hoạt động theo hình thức tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính Phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

- Trung tâm Kiểm định xây dựng tỉnh Lào Cai đã xây dựng hệ thống quản lý chất lượng cho các hoạt động của mình và đã được tổ chức ICA cấp chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

- Trung tâm đã được Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai cấp Chứng chỉ Năng lực hoạt động số YEB-00001285 ban hành kèm theo các Quyết định số 1472/QĐ-SXD ngày 01/7/2020; Quyết định số 15/QĐ-SXD ngày 15/02/2023 (cấp bổ sung lần 2); Quyết định số 185/QĐ-SXD ngày 08/12/2023; Phòng thí nghiệm có mã số LAS-XD 63.002 đã được Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 82/GCN-SXD ngày 12/01/2024.

2. Chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực hoạt động:

2.1. Chức năng

Trung tâm thực hiện chức năng kiểm định, giám định chất lượng công trình xây dựng, vật liệu xây dựng và cấu kiện xây dựng; kiểm định chất lượng các sản phẩm phục vụ các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng; chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng của các công trình; cung cấp các dịch vụ tư vấn trong hoạt động đầu tư, xây dựng theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân; nghiên cứu thực nghiệm, nghiên cứu khoa học, áp dụng tiến bộ khoa học và chuyển giao công nghệ nhằm phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng theo quy định của pháp luật.

2.2. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Kiểm định cấu kiện xây dựng, vật liệu xây dựng, chất lượng các công trình xây dựng theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng và theo hợp đồng của các Chủ đầu tư, các Nhà thầu đồng thời thực hiện tư vấn một số lĩnh vực trong hoạt động xây dựng, gồm: Kiểm định, kiểm tra, đánh giá về chất lượng công trình xây dựng mới, công trình đã được đưa vào sử dụng, công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo nâng cấp, các công trình cần chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc thanh lý, các trang thiết bị nội thất, xác định các nguyên nhân hư hỏng, đề xuất biện pháp sửa chữa;

2. Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của vật tư, vật liệu và các sản phẩm xây dựng;

3. Tư vấn đầu tư cho các công trình: Dân dụng, công nghiệp, giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn; hạ tầng kỹ thuật và các dự án đầu tư khác, bao gồm:

- Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn các công trình;

- Tư vấn lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; lập báo cáo nghiên cứu khả thi; thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở; lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, dự toán;

- Tư vấn thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở, tổng mức đầu tư (Đối với các dự án thuộc nguồn vốn khác);

- Tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở, tổng mức đầu tư;

- Tư vấn lập, thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả lựa chọn nhà thầu;

- Tư vấn quản lý dự án;

- Tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình; thiết bị công nghệ; hệ thống phòng cháy, chữa cháy.

4. Tư vấn kiểm tra công tác nghiệm thu, kiểm định công trình trong quá trình thi công phục vụ công tác kiểm tra nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

5. Nghiên cứu thực nghiệm, nghiên cứu khoa học; áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong xây dựng và chuyển giao công nghệ.

6. Thực hiện quản lý tài chính, tài sản, tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của tỉnh.

7. Thực hiện báo cáo định kỳ tháng, quý, năm hoặc đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được phân công về Sở Xây dựng và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

8. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Xây dựng giao và theo quy định của pháp luật.

9. Trung tâm được quyền ký kết hợp đồng với các tổ chức, cá nhân để thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao trên cơ sở tuân theo các quy định của pháp luật.

2.3. Các lĩnh vực hoạt động theo Chứng chỉ Năng lực hoạt động xây dựng: Theo Chứng chỉ Năng lực hoạt động số YEB-00001285 do Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai cấp, ban hành kèm theo Quyết định số 1472/QĐ-SXD ngày 01/7/2020; Quyết định số 15/QĐ-SXD ngày 15/02/2023 (cấp bổ sung lần 2); Quyết định số 185/QĐ-SXD ngày 08/12/2023;

- Khảo sát xây dựng: Địa hình, địa chất công trình. Hạng III

- Thiết kế xây dựng công trình Dân dụng và công nghiệp, Giao thông (cầu, đường bộ), Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Hạ tầng kỹ thuật. Hạng II. Công nghiệp (Đường dây và trạm biến áp): Hạng III.

- Thẩm tra thiết kế công trình Dân dụng và công nghiệp, Giao thông (cầu, đường bộ); Hạ tầng kỹ thuật; Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Hạng II.

- Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình Dân dụng và công nghiệp; Giao thông (cầu, đường bộ); Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Hạ tầng kỹ thuật. Hạng II. Công nghiệp (Đường dây và trạm biến áp): Hạng III.

- Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và công nghiệp; Giao thông (cầu, đường bộ); Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Hạ tầng kỹ thuật; Điện (điện dân dụng và công nghiệp, đường dây và TBA). Hạng II

- Tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị vào công trình: Hạng III.

2.4. Danh mục các phép thử được thực hiện:

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử
1	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
	- Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030: 03
	- Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:95
	- Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:95
2	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
	- Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:93
	- Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:93
	- Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:93
	- Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:93
	- Xác định độ hút nước	TCVN 3113:93
	- Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:93
	- Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:93
	- Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:93
	- Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:93
3	THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA	
	- Thành phần cốt hạt	TCVN 7572-2:06
	- Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06
	- Xác định khối lượng riêng; Khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06
	- Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:06

	- Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:06
	- Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06
	- Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06
	- Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06
	- Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06
	- Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06
	- Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN7572-13:06
	- Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN7572-17:06
	- Xác định hàm lượng mica	TCVN7572-20:06
4	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG	
	- Xác định khối lượng riêng(tỷ trọng)	TCVN 4195:95
	- Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:95
	- Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:95
	- Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:95
	- Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng.	TCVN 4199:95
	- Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:95
	- Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:95
	- Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:95
	- Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)- Trong phòng thí nghiệm	22TCN 332- 06
	- Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU; CU; CD; CV)	ASTM D2850-95
5	KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG	
	- Thử kéo	TCVN 197: 2002
	- Thử uốn	TCVN 198: 2008
	- Kiểm tra chất lượng mối hàn - thử uốn	TCVN 5401: 91
	- Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403: 91
	- Kiểm tra không phá huỷ mối hàn - phương pháp siêu âm	TCVN 1548 : 87
6	BÊ TÔNG NHỰA	
	- Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	22 TCN 62:84
	-Xác định khối lượng tính toán và khối lượng riêng của các phối liệu trong hỗn hợp bê tông nhựa	22 TCN 62:84

	- Xác định khối lượng riêng của bê tông nhựa bằng phương pháp tỷ trọng kế và bằng phương pháp tính toán	22 TCN 62:84
	- Độ rỗng của cốt liệu và độ rỗng dư ở trạng thái đầm chặt	22 TCN 62:84
	- Độ bão hoà nước của bê tông nhựa	22 TCN 62:84
	- Hệ số trương nở của bê tông nhựa sau khi bão hoà nước	22 TCN 62:84
	- Cường độ chịu nén	22 TCN 62:84
	- Hệ số ổn định nước và ổn định nhiệt	22 TCN 62:84
	- Độ bền chịu nước sau khi bão hoà nước lâu	22 TCN 62:84
	-Thí nghiệm Marshall (Độ ổn định, chỉ số dẻo, độ cứng quy ước)	22 TCN 62:84
	- Hàm lượng bitum trong bê tông nhựa bằng phương pháp chiết	22 TCN 62:84
	- Thành phần hạt cốt liệu của hỗn hợp bê tông nhựa sau khi chiết	22 TCN 62:84
	- Hàm lượng bitum và các thành phần hạt trong hỗn hợp bê tông nhựa theo phương pháp nhanh	22 TCN 62:84
7	NHỰA BITUM	
	- Xác định độ kim lún ở 25°C	22TCN 279:01
	- Xác định độ kéo dài ở 25°C	22TCN 279:01
	- Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	22TCN 279:01
	- Xác định nhiệt độ bắt lửa	22TCN 279:01
	- Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5h	22TCN 279:01
	- Xác định lượng hoà tan trong Trichloroethylene	22TCN 279:01
	- Xác định khối lượng riêng ở 25°C	22TCN 279:01
	- Xác định độ dính bám đối với đá	22TCN 279:01
8	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
	- Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao đai	22TCN 02-71
	- Độ ẩm; Khối lượng TT của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:06
	- Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	22TCN 16:79
	- PP thử nghiệm xác định modul đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép lớn	22TCN 211:06
	- XD môđun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Benkelman	22TCN 251:98
	-Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	22TCN 278:01
	- Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và	TCXD 171:89

	song bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	
	- PP điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCXD 240::2000
	- Đo điện trở đất	TCXDVN 46:07
	- Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT)	TCXD 174:89
	- Thí nghiệm xuyên động (DCP)	ASTM D1586:92
	- Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thử nghiệm SPT)	TCXD 226: 99
	- Cọc: phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCXDVN 269: 02
	- Thí nghiệm CBR - Ngoài hiện trường	ASTM-D4429-92
9	THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA	
	- Thành phần hạt - Lượng mất khi nung	22 TCN 58-84
	- Hàm lượng nước - Hệ số háo nước	22 TCN 58-84
	- Khối lượng riêng của bột khoáng chất	22 TCN 58-84
	- KL thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất	22 TCN 58-84
	- Hàm lượng chất hoà tan trong nước	22 TCN 58-84
	- Xác định khối lượng riêng của bột khoáng chất và nhựa đường	22 TCN 58- 84
	- Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22 TCN 58-84
	- Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22 TCN 58- 84
10	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
	- Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6: 03
	- Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN3121-10: 03
	- Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN3121-11: 03
	- Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN3121-18: 03
11	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY	
	- Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-1:98
	- Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-2:98
	- Xác định độ hút nước	TCVN 6355-3:98
	- Xác định khối lượng riêng	TCVN 6355-4:98
	- Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:98
	- Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:98

12	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BLOCC BÊ TÔNG	
	- Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:99
	- Xác định cường độ nén	TCVN 6477:99
	- Xác định độ rỗng	TCVN 6477:99
	- Xác định độ hút nước	TCVN 6477:99

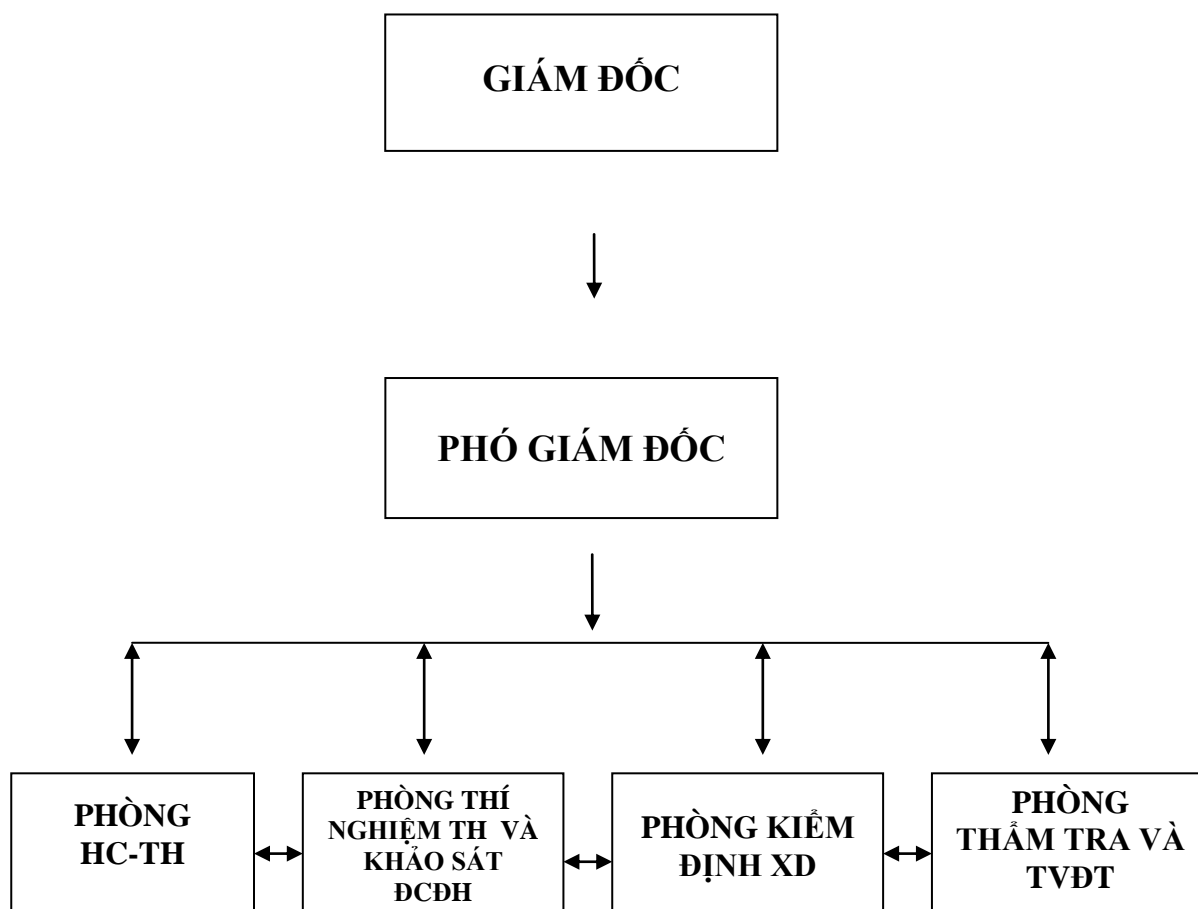
II. NĂNG LỰC QUẢN LÝ VÀ TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT CÁN BỘ, NHÂN VIÊN TRUNG TÂM.

Với đội ngũ kỹ sư, chuyên viên kỹ thuật lành nghề và thiết bị máy móc thí nghiệm đồng bộ, dưới sự lãnh đạo của bộ máy quản lý có nhiều năm kinh nghiệm trong hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai, Trung tâm Kiểm định xây dựng đã đạt được những kết quả tăng trưởng đáng kể - được ghi nhận là đơn vị có năng lực, kinh nghiệm và có thương hiệu vững chắc trên thị trường. Từ khi thành lập năm 2006, Trung tâm có 10 cán bộ nhân viên; qua nhiều thay đổi, nhiều cán bộ đã từng công tác tại Trung tâm đã chuyển sang các đơn vị quản lý nhà nước – giữ các vai trò và vị trí quan trọng. Được sự quan tâm của Bộ Xây dựng cùng sự nỗ lực của cán bộ nhân viên trong cơ quan, huy động nguồn vốn Trung tâm đã đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng. Hiện nay phòng thí nghiệm của Trung tâm có nhiều thiết bị hiện đại, tiên tiến trên địa bàn tỉnh Lào Cai và một số tỉnh bạn trong khu vực.

Trong những năm qua, Trung tâm Kiểm định xây dựng tỉnh Lào Cai đã giữ vai trò là công cụ giúp cơ quan quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng.

Chúng tôi đã tham gia thực hiện nhiệm vụ thông qua các hợp đồng tư vấn giúp các Chủ đầu tư quản lý dự án, giám sát thi công, tư vấn đấu thầu, thí nghiệm, kiểm định, đánh giá chất lượng các công trình xây dựng đạt hiệu quả nhất trong lĩnh vực xây dựng, giao thông, thủy lợi và các công trình hạ tầng kỹ thuật.

I. MÔ HÌNH, CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TỈNH LÀO CAI**II. NĂNG LỰC QUẢN LÝ TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN**

TT	NGÀNH NGHỀ CHUYÊN MÔN	SỐ LƯỢNG
I	Cán bộ có trình độ Đại học	18
1	Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp	10
2	Xây dựng giao thông	02
3	Xây dựng thủy lợi	01
4	Tự động hoá (kỹ sư điện)	01
5	Địa chất	01
6	Cử nhân Kinh tế	03
II	Cán bộ có trình độ cao đẳng, trung học và Công nhân kỹ thuật	01
1	Công nhân kỹ thuật bậc 5/7 (Thí nghiệm)	01

III. DANH SÁCH CÁN BỘ CHỦ CHỐT, CHUYÊN VIÊN KỸ THUẬT

TT	Họ và tên	Tuổi	Năm công tác	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Đã tham gia khoá đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ
I. LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM						
1	Nguyễn Xuân Hoàn	46	23	Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp	Phó Giám đốc phụ trách	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ hành nghề Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình DD-CN&HTKT; Định Giá xây dựng; Giám sát thi công xây dựng công trình Dân dụng, Nhà công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế kết cấu công trình DD&CN Hạng II số Chứng chỉ YEB -00029475; - Chứng chỉ Hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (Lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích; Giám sát thi công tu bổ di tích số 08/CC-VHTTDL; - Chứng chỉ hành nghề hoạt động Đấu thầu số C01.24.14083
II. CÁC PHÒNG CHUYÊN MÔN						
1. Phòng Hành chính – Tổng hợp						
1	Nguyễn Thu Hà	48	27	Cử nhân kinh tế	Phụ trách phòng HCTH	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận công tác nghiệm thu hoàn công thanh, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình; - Chứng chỉ tin học ứng dụng trình độ B; - Chứng chỉ tiếng Anh trình độ A
2	Nguyễn Phương Nhung	46	25	Cử nhân kế toán	Phụ trách Kế toán	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ tin học ứng dụng trình độ B; - Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ QLDA đầu tư XD. - Chứng nhận công tác nghiệm thu hoàn công thanh, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình;
3	Đoàn Việt Hương	41	20	Cử nhân kinh tế - Trung cấp xây dựng	Kế toán viên	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận công tác nghiệm thu hoàn công thanh, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình; - Chứng chỉ tin học ứng dụng trình độ B; - Chứng nhận đào tạo thí nghiệm về: Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý của đất trong phòng và hiện trường - Chứng nhận đào tạo thí nghiệm về: Phương pháp xác định các tính chất cơ- lý của Bê tông và Vật liệu Xây dựng
2. Phòng thẩm tra và Tư vấn đầu tư						
1	Tạ Mạnh Dương	47	26	Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp	Phụ trách phòng	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ hành nghề Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế kết cấu công trình DD&CN; Chứng chỉ hành nghề Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng Hạng II số Chứng chỉ YEB -00000342; - Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu - Chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng

						- Chứng chỉ hành nghề tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế PCCC
2	Nguyễn Hoàng Phương	42	19	Kỹ sư xây dựng	Nhân viên	- Chứng chỉ hành nghề Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng Hạng II số Chứng chỉ YEB - 00024440 - Chứng chỉ hành nghề Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình Giao thông đường bộ, NN và PTNT Hạng III số Chứng chỉ YEB -00024440; - Chứng chỉ hành nghề Tư vấn giám sát thi công xây dựng DD và CN; HTKT Hạng II số Chứng chỉ YEB -00024440; - Chứng chỉ hành nghề thiết kế kết cấu các công trình xây dựng. Hạng II số Chứng chỉ YEB -00024440
3	Nguyễn Quý Dương	49	20	Kỹ sư xây dựng	Nhân viên	- Chứng chỉ hành nghề Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình DDCN - HTKT - Chứng nhận hành nghề Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng - Chứng chỉ hành nghề thiết kế kết cấu các công trình xây dựng. Hạng II số Chứng chỉ YEB -00001621 - Chứng chỉ hành nghề Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình giao thông đường bộ. Hạng III số Chứng chỉ YEB - 00001621 - Chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng
4	Phùng Thị Hương	47	24	Kỹ sư xây dựng	Nhân viên	- Chứng chỉ hành nghề tư vấn đấu thầu C01.20.11947 - Chứng chỉ hành nghề Chứng chỉ hành nghề thiết kế kết cấu các công trình xây dựng Hạng II .; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình DDCN – HTKT; Giám sát công trình giao thông đường bộ Hạng III số Chứng chỉ YEB -00024410 - Chứng nhận hành nghề Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng Hạng II số Chứng chỉ YEB -00024410 - Chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng; Quản lý dự án công trình xây dựng; Hạng II

5	Phạm Văn Khang	43	19	Kỹ sư xây dựng	Nhân viên	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ hành nghề thiết kế kết cấu các công trình xây dựng. Giám sát thi công xây dựng công trình DDCN – HTKT; Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Định giá xây dựng Hạng II số Chứng chỉ YEB -00081625 - Chứng nhận thí nghiệm Phương pháp XD các tính chất cơ- lý của đất trong phòng và hiện trường - Chứng nhận đào tạo thí nghiệm Phương pháp XD các tính chất cơ- lý của vật liệu kim loại và Liên kết hàn. - Chứng nhận đào tạo thí nghiệm về: Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý của Bê tông và Vật liệu Xây dựng - Chứng nhận đào tạo thí nghiệm về: Kiểm tra chất lượng Bê tông bằng phương pháp không phá huỷ
3. Phòng Kiểm định xây dựng						
1	Trần Thành Đức	45	20	Kỹ sư điện	Phụ trách phòng	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ hành nghề tư vấn đấu thầu - Chứng chỉ hành nghề tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế PCCC - Chứng chỉ hành nghề Tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị vào công trình - Chứng chỉ hành nghề Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình - Chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng - Chứng chỉ hành nghề Tư vấn quản lý dự án công nghệ thông tin - Chứng nhận hành nghề Tư vấn thiết kế điện, cơ điện Hạng II số Chứng chỉ YEB - 00005786
2	Tô Xuân Tuyên	47	24	Kỹ sư xây dựng	Nhân viên	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ hành nghề Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình - Chứng chỉ hành nghề Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng Hạng II số Chứng chỉ YEB -00081626 - Chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng - Chứng chỉ hành nghề Tư vấn thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp Hạng III số Chứng chỉ YEB -00081626 - Kiểm tra chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực
3	Mai Xuân Ngọc	43	22	Kỹ sư Giao thông	Nhân viên	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ hành nghề Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình xây dựng và công nghiệp; giao thông; - Chứng nhận hành nghề Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng Hạng III số Chứng chỉ YEB -00024421 - Chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng

4	Bùi Ngọc Trung	59	41	Kỹ sư xây dựng	Nhân viên	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ hành nghề Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình Hạng II số Chứng chỉ YEB -00029471 - Chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng - Kiểm tra chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực.
5	Hoàng Thị Ngọc	47	22	Kỹ sư thủy lợi	Nhân viên	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ hành nghề Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình DDCN - HTKT công trình NN&PTNT Hạng II số Chứng chỉ YEB -00057456 - Chứng chỉ hành nghề Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng Hạng II số Chứng chỉ YEB -00057456 - Chứng chỉ hành nghề Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình Giao thông đường bộ; Chứng chỉ Thiết kế xây dựng công trình NN và PTNT Hạng III số Chứng chỉ YEB -00057456 Chứng chỉ Thiết kế Hạ tầng kỹ thuật (cấp, thoát nước) Hạng III số Chứng chỉ YEB -00057456 - Chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng
4. Phòng Thí nghiệm tổng hợp và Khảo sát địa chất địa hình.						
1	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	49	25	Kỹ sư xây dựng	Nhân viên	<ul style="list-style-type: none"> - Bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý phòng TN. - TN viên chuyên ngành XDCT giao thông. - Chứng nhận đào tạo thí nghiệm về: Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý của Bê tông và Vật liệu Xây dựng.
2	Nguyễn Văn Duân	41	19	Kỹ sư kỹ thuật địa chất	Nhân viên	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ hành nghề khảo sát địa chất công trình - Thí nghiệm viên kiểm tra chất lượng đường bộ - Chứng nhận thí nghiệm phương pháp thử các tính chất cơ lý của vật liệu kim loại và liên kết hàn. - Chứng nhận thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc.
3	Nguyễn Hoàng Chung	41	19	Bằng nghề thợ bậc 5/7	Thí nghiệm viên	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận đào tạo thí nghiệm về: Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý của Bê tông và Vật liệu Xây dựng. - Chứng nhận thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc

IV. MÁY MÓC TRANG THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM VÀ VĂN PHÒNG**1. Máy móc trang thiết bị thí nghiệm:**

TT	Tên thiết bị và thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Nước sản xuất
1	Máy CBR trong phòng thí nghiệm:	Cái	01	Trung Quốc
2	Vòng ứng biến 50 kN	Chiếc	01	
3	Khuôn CBR	Cái	06	
4	Đĩa đệm cho tạo mẫu CBR	Cái	01	Trung Quốc
5	Tỷ trọng kế 151 H - Loại A	Cái	01	Trung Quốc
6	Tỷ trọng kế 152 H - Loại B	Cái	01	Trung Quốc
7	Phễu rót cát	Cái	02	Trung Quốc
8	Thiết bị đo modun đàn hồi bằng cần Benkleman	Cái	01	
9	Bộ đệm nối cho cần Benkenman	Cái	01	
10	Thiết bị đầm proctor tự động	Bộ	01	Trung Quốc
11	Bộ sàng tiêu chuẩn	Cái	08	Trung Quốc
12	Máy nén tam liên Model: WG -1C Model	Bộ	02	Trung Quốc
13	Máy cắt đất -Model: ZJ	Chiếc	01	Trung Quốc
14	Cân điện tử Model: CBW 30	Chiếc	01	ADAM - UK
15	Cân điện tử Model: CBK16	Chiếc	01	ADAM - UK
16	Cân thủy tĩnh Model: CBW 6H	Chiếc	01	ADAM - UK
17	Xi lanh thử độ nén đập	Bộ	01	Trung Quốc
18	Cân cơ Model : AQ 311 S	Chiếc	01	Trung Quốc
19	Cân cơ Model : TBB 2610 S	Chiếc	01	ADAM – UK
20	Tủ sấy- Model 101-2	Chiếc	01	Trung Quốc
21	Bộ CBR hiện trường Model : SO 260 Theo tiêu chuẩn ASTM D 4429	Bộ	01	Indonesia
22	Bộ xác định giới hạn Casagrande	Bộ	01	Trung Quốc
23	Máy lọc sàng - Model: ZBSX – 92	Bộ	01	Trung Quốc
24	Bộ chia mẫu - 25.4 mm	Chiếc	01	Việt Nam
25	Bộ chia mẫu - 12.5 mm	Chiếc	01	
26	Thí nghiệm xác định hàm lượng chung bùn, bụi, sét của cốt liệu:	Chiếc	01	Việt Nam
27	Thí nghiệm xác định hàm lượng chung bùn, bụi, sét của cát:	Chiếc	10	Việt Nam
28	Máy nén bê tông Model : YE - 2000A	Chiếc	01	Trung Quốc

29	Giá định vị thử nén xi măng	Bộ	01	
30	Giá định vị thử uốn xi măng	Bộ	01	
31	Khuôn đúc mẫu bê tông lập phương:	Chiếc	12	Việt Nam
32	Khuôn đúc mẫu bê tông	Chiếc	04	Việt Nam
33	Khuôn đúc mẫu bê tông trụ	Chiếc	04	Việt Nam
34	Bộ cone thử độ sụt bê tông	Bộ	03	Việt Nam
35	Các loại thùng xác định khối lượng thể tích	Bộ	04	Việt Nam
36	Bình thử bọt khí - Model : HC - 7L	Bộ	01	Trung Quốc
37	Thước lá kim loại	Cái	01	Việt Nam
38	Thùng ngâm mẫu	Cái	01	Việt Nam
39	Bàn rung, que chọc, xẻng	Bộ	01	Việt Nam
40	Sàng thí nghiệm	Cái	01	Trung Quốc
41	Nhiệt kế VEBE - Model : VBR - 1	Cái	01	Trung Quốc
42	Tủ dưỡng mẫu Model: HBY 40	Chiếc	01	Trung Quốc
43	Máy trộn bê tông rơi tự do B 150 lít	Chiếc	01	Pháp
44	Máy kiểm tra vụn năng Model: WE - 1000B (kéo, uốn thép)	Cái	01	Trung Quốc
45	Thiết bị định vị cốt thép Model: C3M	Chiếc	01	CMT-UK
46	Máy nén Marshall, Tốc độ:50.8mm/phút Nguồn điện: 220V/50Hz- 1 pha	Cái	01	Trung Quốc
47	Máy khoan bê tông nhựa:	Cái	01	Trung Quốc
48	Máy chiết ly tâm 3000gram	Cái	01	Trung Quốc
49	Thiết bị xác định độ dẫn dài nhựa đường	Bộ	01	Trung Quốc
50	Bộ kim lún nhựa đường	Bộ	01	Trung Quốc
51	Bộ chày đầm Marshall tự động	Bộ	01	Trung Quốc
52	Thiết bị xác định tổn thất nhựa đường-XIYI	Bộ	01	Trung Quốc
53	Thiết bị xác định điện trở đất Model: 4105A	Bộ	01	Nhật Bản
54	Máy thử độ mài mòn Los Angeles, Model: LA-33	Bộ	01	Việt Nam
55	Máy khoan địa chất -Model XY-1	Bộ	01	Trung Quốc
56	Máy trộn xi măng kiểu hành tinh	Bộ	01	Trung Quốc
57	Bàn dẫn - Model : DQT-127	Bộ	01	Việt Nam
58	Máy siêu âm khuyết tật kim loại, Mối hàn	Bộ	01	USA
59	Máy thủy chuẩn Model : AT -G6	Bộ	01	TOPCON -Nhật
60	Máy kinh vĩ điện tử (Model : DT -205)	Bộ	01	TOPCON -Nhật
61	Máy khoan lấy mẫu bê tông từ cấu kiện Model: KB 130	Bộ	01	Golz - Đức

62	Máy cắt mẫu thí nghiệm kiểu bàn đẩy Model: CB-400	Bộ	01	Việt Nam
63	Súng kiểm tra cường độ bê tông Model: AT 241/E	Bộ	01	Italy
64	Máy nén đất 3 trục Model: TSZ30-2.0	Bộ	01	Trung Quốc
65	Máy siêu âm bê tông Model: Pundit plus	Cái	01	Anh
66	Máy đo điện trở đất Model: 4102	Bộ	01	Kyoristu - Nhật
67	Máy siêu âm cốt thép (Model: Profometer 5-Scanlog)	Cái	01	Thụy sỹ
68	Nhiệt kế kim loại	Cái	06	Hàn Quốc
69	Cối chà vữa D100mm	Bộ	01	Trung Quốc
70	Bộ dao vòng lấy mẫu đất hiện trường	Bộ	01	Việt Nam
71	Bộ thí nghiệm nén tĩnh cọc, cung cấp đồng bộ với:	Bộ	01	Việt Nam
72	Khuôn uốn bê tông: KT (150x150x600) mm	Bộ	01	Việt Nam
73	Máy cắt mẫu thép	Bộ	01	Việt Nam
74	Bộ sàng đá tiêu chuẩn	Bộ	01	Trung Quốc
75	Đồng hồ đo chuyển vị	Cái	15	Nhật Bản
76	Máy nén thủy lực Model: MN-150	Cái	01	Việt Nam
77	Máy đầm Marshall tự động Model: MJ-IZ	Bộ	01	Trung Quốc
78	Bộ thí nghiệm xuyên động DCP hiện trường.	Bộ	01	Trung Quốc
79	Bộ xuyên tĩnh Model: CLD-5	Bộ	01	Trung Quốc

2. Phương tiện, trang thiết bị văn phòng.

TT	Tên máy móc, thiết bị và Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Nước sản xuất
1	Ô tô 5 chỗ ngồi TOYOTA - Altis	Chiếc	01	Việt Nam
2	Máy vi tính để bàn:	Bộ	24	Đông Nam Á
3	Máy vi tính xách tay:	Cái	06	Đông Nam Á
4	Photocopy FUJI XEROX	Cái	02	Nhật Bản
4	Máy in các loại	Cái	12	Nhật Bản
5	Máy scan màu	Cái	02	Nhật Bản

VI. MỘT SỐ HỢP ĐỒNG TIÊU BIỂU ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN**1. Tổng hợp công tác Thẩm tra bản vẽ thiết kế thi công - dự toán công trình.**

TT	Diễn giải	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
-	Tổng số công trình thẩm tra <i>Trong đó:</i>	62 công trình	51 công trình	72 công trình
	+ Công trình xây dựng:	41 công trình	37 công trình	46 công trình
	+ Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Công trình Hạ tầng kỹ thuật	16 công trình	12 công trình	17 công trình
	+ Công trình giao thông	05 công trình	03 công trình	06 công trình
	+ Công trình Điện, công nghiệp	05 công trình	01 công trình	03 công trình

2. Công tác Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình gần đây:

Stt	Tên công trình, gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Giá trị hợp đồng tư vấn	Chủ đầu tư, đơn vị ký hợp đồng
1	Lắp đặt hệ thống đường điện chiếu sáng tuyến đường tránh đoạn qua Trung tâm thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	2021-2023	104.311.000	Phòng KTHT huyện Yên Bình
2	Trường THPT Chu Văn An, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái - Giai đoạn 2	2021-2023	82.108.000	Sở GD&ĐT tỉnh Yên Bái
3	Cải tạo, sửa chữa Các đội thuế thuộc Cục Thuế tỉnh Yên Bái năm 2022 (08 công trình)	2022	450.000.000	Cục Thuế tỉnh Yên Bái
4	Xây dựng, sửa chữa trạm rada 62 Yên Bái	2022-2023	103.385.000	Trạm rada 62 Yên Bái
5	Mua tài sản cho đơn vị thuộc cục thuế năm 2022 đợt 2	2022	107.515.000	Cục Thuế tỉnh Yên Bái
6	Trường Trung học phổ thông Văn Chấn, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	2022-2023	516.975.000	Sở GD&ĐT tỉnh Yên Bái
7	Trường Trung học phổ thông Nghĩa Lộ, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái	2022-2024	741.432.000	Sở GD&ĐT tỉnh Yên Bái
8	Trường Trung học phổ thông Trần Nhật Duật, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	2022-2024	559.816.000	Sở GD&ĐT tỉnh Yên Bái
9	Nhà thi đấu Thể dục – Thể thao Liên đoàn Lao động tỉnh Yên Bái (giai đoạn 2)	2023-2024	590.519.000	Liên đoàn Lao động tỉnh Yên Bái
10	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Sở Xây dựng	2023-2024	156.539.000	Sở Xây dựng

	tỉnh Yên Bái			tỉnh Yên Bái
11	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc kiêm kho Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Yên Bái	2023-2024	325.017.000	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Yên Bái
12	Cải tạo, nâng cấp Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái	2023-2025	625.133.000	Sở LĐ-TB&XH tỉnh Yên Bái
13	Xây dựng nhà hội trường kết hợp nhà xe 02 tầng; nâng cấp, cải tạo nhà phụ trợ và các hạng mục phụ trợ Chi nhánh NHCSXH tỉnh Yên Bái.	2024	53.082.000	Chi nhánh NHCSXH tỉnh Yên Bái.
14	Cải tạo, sửa chữa Nhà điều dưỡng; mua sắm bổ sung trang thiết bị đối với Trung tâm điều dưỡng tỉnh Yên Bái	2024	52.461.000	Sở LĐ-TB&XH tỉnh Yên Bái

3. Công tác Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình:

Stt	Tên công trình, gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Giá trị hợp đồng tư vấn	Chủ đầu tư, đơn vị ký hợp đồng
1	Trường trung học phổ thông Chu Văn An, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (Hạng mục: Nhà gara xe học sinh và các hạng mục phụ trợ)	2022-2023	99.639.000	Sở GD&ĐT tỉnh Yên Bái
2	Trường mầm non xã Yên Thành (Khối hành chính, quản trị và các phòng học điểm trường chính) huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	2022-2023	148.805.000	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình
3	Chỉnh trang khu dân cư nông thôn kết hợp phát triển quỹ đất hai bên đường Trục I, xã Âu Lâu, thành phố Yên Bái;	2022-2023	170.914.000	Ban QLDA ĐTXD thành phố Yên Bái
4	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội tỉnh Yên Bái;	2023-2024	1.058.971.000	Sở LĐ-TB&XH tỉnh Yên Bái
5	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Sở Xây dựng tỉnh Yên Bái	2023-2024	156.539.000	Sở Xây dựng tỉnh Yên Bái
6	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc kiêm kho Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Yên Bái	2023-2024	300.318.000	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Yên Bái
7	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Phú Thịnh	2023-2024	211.518.000	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình
8	Cải tạo, sửa chữa các nhà văn hoá trên địa bàn thành phố Yên Bái để tổ chức và chào mừng Đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025-2030	2024-2025	260.000.000	Ban QLDA ĐTXD thành phố Yên Bái
9	Xây dựng nhà hội trường kết hợp nhà để xe 02 tầng nâng cấp, cải tạo nhà phụ trợ và các hạng mục phụ trợ chi nhánh NHCSXH tỉnh Yên Bái.	2024	88.328.000	Ban QLDA ĐTXD thành phố Yên Bái

10	Trường tiểu học và trung học cơ sở Minh Bảo, thành phố Yên Bái	2024	101.443.000	Ban QLDA ĐTXD thành phố Yên Bái
11	Giám sát thi công xây dựng công trình Khắc phục khẩn cấp sạt lở Nghĩa trang liệt sĩ Trung tâm tỉnh Yên Bái	2025	85.215.000	Sở Nội vụ tỉnh Yên Bái
12	Sửa chữa công trình nước sạch và vệ sinh và các cơ sở vật chất nhỏ khác của trường học thuộc dự án Xây dựng trường học an toàn hơn với thiên tai tại thành phố Yên Bái, huyện Trấn Yên và huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	2025	120.413.000	Trung tâm Hỗ trợ phụ nữ tỉnh Yên Bái

4. Công tác Kiểm định; đánh giá

Stt	Tên công trình, gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Giá trị hợp đồng tư vấn	Chủ đầu tư, đơn vị ký hợp đồng
1	Trụ sở Tỉnh ủy và các Ban đảng tỉnh Yên Bái	2022	382.000.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái
2	Dự án đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 07 Trung tâm y tế huyện, tỉnh Yên Bái	2022	292.883.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái
3	Kiểm định chất lượng công trình: Trường cao đẳng Yên Bái	2022	200.000.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái
4	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm Y tế thành phố Yên Bái	2022	115.061.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái
5	Trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Phình Hồ, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái;	2022	108.533.000	Ban QLDA ĐTXD huyện Trạm Tấu
6	Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Yên Bái	2022	86.534.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái
7	Trường PTDTBT tiểu học Tà Ghênh, xã Nậm Có, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái	2022	75.858.000	Ban QLDA ĐTXD huyện Mù Cang Chải
8	Kiểm định đánh giá chất lượng công trình dự án Trung tâm Hội nghị tỉnh Yên Bái	2023	158.659.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Yên Bái
9	Kiểm định, đánh giá chất lượng công trình dự án Cải tạo trụ sở làm việc, nhà bếp ăn và khuôn viên Văn phòng UBND tỉnh Yên Bái	2023	110.000.000	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái
10	Kiểm định, đánh giá chất lượng công trình: Nhà máy sản xuất các sản phẩm gỗ và ván lát sàn SPC	2023	117.900.000	Công ty TNHH công nghệ Thiên Hòa Việt Nam

	Thiên Hòa			
11	Kiểm định, đánh giá chất lượng công trình dự án Khách sạn Hòa Bình Minh	2023	225.000.000	Công ty TNHH tổng công ty Hòa Bình Minh
12	Tư vấn Kiểm định chất lượng công trình cũ thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Bệnh viện đa khoa khu vực Nghĩa Lộ	2023	120.000.000	Sở Y tế tỉnh Yên Bái
13	Kiểm định đánh giá chất lượng công trình Cải tạo, sửa chữa trụ sở Sở Tài chính tỉnh Yên Bái	2023	61.371.000	Sở Tài chính tỉnh Yên Bái
14	Kiểm định chất lượng công trình Trường Cao đẳng Y dược PASTEUR	2024	160.000.000	Trường Cao đẳng Y dược PASTEUR
15	Tư vấn Kiểm định chất lượng công trình cũ của dự án Trụ sở xã Tà Xi Láng, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái	2024	105.180.000	Ban QLDA ĐTXD huyện Trạm Tấu
16	Tư vấn Kiểm định chất lượng công trình cũ thuộc dự án Trường THCS&THPT Púng Luông, xã Púng Luông, huyện Mù Cang Chải	2024	120.000.000	Sở Giáo dục và Đào Tạo tỉnh Yên Bái
17	Tư vấn Kiểm định chất lượng công trình cũ Phòng khám Đa khoa khu vực An Bình	2024	115.382.000	Sở Y tế tỉnh Yên Bái

5. Công tác Tư vấn kiểm tra công tác nghiệm thu:

Stt	Tên công trình, gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Giá trị hợp đồng tư vấn	Chủ đầu tư, đơn vị ký hợp đồng
1	Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư xây dựng nhà máy gia công, sang chai đóng gói thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ côn trùng và sản xuất phân bón hữu cơ; phối trộn, đóng gói phân bón vô cơ	2025	81.469.000	Công ty Cổ phần BMC Yên Bái
2	Kiểm tra công tác nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng thuộc dự án xây dựng khu đô thị Bách Lãm A và khu đô thị Bách Lãm B	2025	18.666.000	Công ty cổ phần đầu tư Bình Minh Tây Bắc

6. Công tác thí nghiệm:

Stt	Tên công trình, gói thầu	Thời gian ký hợp đồng	Giá trị hợp đồng tư vấn	Chủ đầu tư, đơn vị ký hợp đồng
1	Chỉnh trang một số tuyến đường khu huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái	2022	16.500.000	Ban QLDA ĐTXD huyện Trạm Tấu
2	Đường thôn Sáng Pao đến Trung tâm xã Xà Hồ, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái	2023	36.500.000	Ban QLDA ĐTXD huyện Trạm Tấu
3	Thủy lợi Lò A Nhà, xã Lao Chải, huyện Mường Chải, tỉnh Yên Bái	2023	24.600.000	Ban QLDA ĐTXD huyện Mường Chải
4	Kiên cố thủy lợi Tà Ghènh - Kháo Dê xã Bản Công, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái	2023	22.400.000	Ban QLDA ĐTXD huyện Trạm Tấu
5	Cải tạo, nâng cấp đường Lê Lai (đoạn từ Công an tỉnh Yên Bái đến đường Bảo Lương) phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái	2023	33.250.000	Ban QLDA ĐTXD thành phố Yên Bái
6	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông liên xã Đan Hà - Đại Phạm huyện Hạ Hòa công trình TCXD đoạn Km1 -:- Km5+586.57	2023	51.800.000	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình
7	Xây lắp công trình sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và công trình trên đoạn Km325+450 -:- Km329+800, QL.32, tỉnh Yên Bái	2025	50.000.000	Bảo quản lý Bảo trì đường bộ tỉnh Lào Cai
8	Sửa chữa nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và hệ thống an toàn giao thông đoạn km 8+800 – km 11+00 đường Văn Chấn – Trạm Tấu (ĐT 174) tỉnh Yên Bái	2025	40.000.000	Bảo quản lý Bảo trì đường bộ tỉnh Lào Cai

7. Công tác Tư vấn đầu thầu:

Stt	Tên công trình, gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Giá trị hợp đồng tư vấn	Chủ đầu tư, đơn vị ký hợp đồng
1	Trường Cao đẳng nghề Yên Bái	2023	122.014.000	Trường Cao đẳng nghề Yên Bái
2	Quy hoạch chung thị trấn Trạm Tấu và vùng phụ cận đến năm 2035	2023	18.087.000	Phòng KTHH huyện Trạm Tấu
3	Cấp nước sinh hoạt xã Văn Phú (Đoạn tuyến từ thôn Văn Quý đến thôn Bình Sơn), thành phố Yên Bái	2023	19.271.000	Ban QLDA ĐTXD thành phố Yên Bái

4	Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Yên Bái năm 2023	2023	11.820.000	Sở Nội vụ tỉnh Yên Bái
5	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Sở Xây dựng tỉnh Yên Bái	2023	17.539.000	Sở Xây dựng tỉnh Yên Bái
6	Cải tạo, nâng cấp Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái	2024	89.769.000	Sở LĐ-TB&XH tỉnh Yên Bái
7	Mua sắm phương tiện, trang thiết bị cho Cục Thuế tỉnh Yên Bái năm 2024	2024	16.630.000	Cục Thuế tỉnh Yên Bái
8	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc kiêm kho Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Yên Bái	2024	40.491.000	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Yên Bái
9	Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thị trấn Yên Thế năm 2025	2024	18.548.000	Phòng Tài nguyên – Môi trường huyện Lục Yên

8. Công tác Tư vấn thiết kế:

Stt	Tên công trình, gói thầu	Thời gian ký hợp đồng	Giá trị hợp đồng tư vấn	Chủ đầu tư, đơn vị ký hợp đồng
1	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên	2021	54.865.000	Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái
2	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ	2023	62.457.000	Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trong những năm qua, Trung tâm Kiểm định xây dựng tỉnh Lào Cai đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng, quản lý đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh Lào Cai, đã thực hiện và hoàn thành xuất sắc chức năng nhiệm vụ được UBND tỉnh giao; được Sở Xây dựng, UBND tỉnh, Bộ Xây dựng tặng nhiều giấy khen, bằng khen ghi nhận các thành tích xuất sắc đã đạt được trong các hoạt động tư vấn đầu tư xây dựng, kiểm định và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng.

Qua hồ sơ giới thiệu Cơ cấu tổ chức; Năng lực và Kinh nghiệm này, chúng tôi mong muốn cung cấp những dữ liệu, thông tin về điều kiện năng lực, khả năng tổ chức các hoạt động tư vấn đầu tư xây dựng, kiểm định và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng của mình cho các cấp, các ngành, Chủ đầu tư, Ban quản lý, các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh biết để xem xét đánh giá, nhận xét lựa chọn đơn vị chúng tôi được tham gia thực hiện các công việc tư vấn:

- Kiểm định cấu kiện xây dựng, vật liệu xây dựng, chất lượng các công trình xây dựng; đồng thời thực hiện tư vấn một số lĩnh vực trong hoạt động xây dựng, gồm: Kiểm định, kiểm tra, đánh giá và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng mới, công trình đã được đưa vào sử dụng, công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo nâng cấp, các công trình cần chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc thanh lý, các trang thiết bị nội thất, xác định các nguyên nhân hư hỏng, đề xuất biện pháp sửa chữa;

- Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của vật tư, vật liệu và các sản phẩm xây dựng;

- Tư vấn đầu tư cho các công trình: Dân dụng, công nghiệp, giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn; hạ tầng kỹ thuật và các dự án đầu tư khác, bao gồm:

+ Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn các công trình;

+ Tư vấn lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; lập báo cáo nghiên cứu khả thi; lập báo cáo kinh tế kỹ thuật; lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán;

+ Tư vấn thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở, tổng mức đầu tư (Đối với các dự án thuộc nguồn vốn khác);

+ Tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở, tổng mức đầu tư;

+ Tư vấn lập, thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả lựa chọn nhà thầu;

+ Tư vấn quản lý dự án;

+ Tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình; thiết bị công nghệ; hệ thống phòng cháy, chữa cháy.

- Tư vấn kiểm tra công tác nghiệm thu, kiểm định công trình trong quá trình thi công phục vụ công tác kiểm tra nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

Với mục tiêu: Chất lượng, tiến độ và hiệu quả.

Chúng tôi mong được các cấp, các ngành, Chủ đầu tư, Ban quản lý, các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh quan tâm, giúp đỡ cùng cộng tác tạo điều kiện cho Trung tâm

Kiểm định xây dựng tỉnh Lào Cai trong mọi lĩnh vực trên nguyên tắc hợp tác hai bên cùng có lợi và phát triển.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Lào Cai, tháng 8 năm 2025

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Hoàn